

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
CÔNG VẤN ĐẾN	Số: 353 ngày 6/8/2019
	CHUYÊN
	Lĩnh đạo CC
	Phòng: MTT
Son: Lúa	h89

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 12/EKD/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH EIKODO VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô đất số J-2, khu Công nghiệp Thăng Long II, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0221.3974.482

Fax: 0221.3974.483

Mã số doanh nghiệp (Mã số thuế): 0900902466

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 75/2018/ATTP-CNĐK

Ngày Cấp: 14/12/2018

Nơi cấp: Chi cục vệ sinh ATTP tỉnh Hưng Yên.

(đối với cơ sở thuộc đối tượng phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định)

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung kẹo collagen không đường Ameli

2. Thành phần:

- Isomalt (93.3%), collagen (2.3%), axit citric (E330), hương đào nhân tạo, vitamin C (E300), axit hyaluronic, màu thực phẩm tự nhiên, sucralose.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất và hạn sử dụng in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Kẹo được đóng trong bao gói PET12/MPET12/PE55 và được đóng trong hộp giấy duplex đảm bảo an toàn vệ sinh theo QCVN 12-1:2011/BYT.

- Khối lượng tịnh: 40 g/ túi sản phẩm

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản xuất tại: CÔNG TY TNHH EIKODO VIỆT NAM



Địa chỉ: Lô đất số J-2, Khu Công nghiệp Thăng Long II, phường Dị Sĩ, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 0221 3974 482

Fax : 0221 3974 483

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm”.
- QCVN 8-2:2011/BYT ngày 13/01/2011 của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm”.
- QCVN 8-3:2012/BYT của Bộ Y tế “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm”.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19/12/2007 của Bộ Y tế về việc ban hành “Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm”.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện chế độ kiểm tra và kiểm nghiệm định kỳ theo quy định hiện hành và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố.

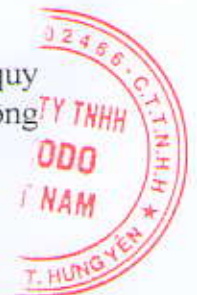
Hưng Yên, ngày 02 tháng 08 năm 2019

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



**TỔNG GIÁM ĐỐC
FUKUNAGA ATSUHIRO**



Tên tổ chức: Công ty TNHH Eikodo Việt Nam

Địa chỉ: Lô đất số J-2, khu Công nghiệp Thăng Long II, phường Dị Sử, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

DANH SÁCH CÁC TÀI LIỆU KHOA HỌC CHỨNG MINH CÔNG DỤNG CỦA COLLAGEN

1. Liu C, Sugita K, Nihei KI, Yoneyama K, Tanaka H: Absorption of hydroxyproline-containing peptides in vascularly perfused rat small intestine *in situ*. *Biosci Biotech Bioch*; 73:1741-1747, 2009

Tài liệu 73:1741-1747, 2009 Hấp thu hydroxyproline chứa các peptide trong mạch máu được tưới tại chỗ. Công nghệ sinh học Biosci; 73: 1741-1747, 2009

2. Nakatani S, Mano H, Sampei C, Shimizu J, Wada M: Chondroprotective effect of the bioactive peptide prolyl-hydroxyproline in mouse articular cartilage *in vitro* and *in vivo*. *Osteoarth Cartilage*; 17:1620-1627, 2009

Tài liệu 17:1620-1627, 2009 Chondroprotective ảnh hưởng đến hoạt tính sinh học của peptide prolyl-hydroxyproline trong sụn khớp in vitro and vivo

3. Sugihara F, Inoue N, Kuwamori M, Taniguchi M: Quantification of hydroxyprolyl-glycine (Hyp-Gly) in human blood after ingestion of collagen hydrolysate. *J Biosci Bioeng*; 113:202-203, 2012

Tài liệu 113:202-203, 2012 Định lượng hydroxyprolyl-glycine (Hyp-Gly) trong máu người sau khi uống collagen hydrolysate.

4. Sugihara F, Inoue N: Clinical effects of collagen hydrolysates ingestion on UV-induced pigmented spots of human skin: A preliminary study. *Health Sciences*; 28:153-156, 2012

Tài liệu 28:153-156, 2012 Tác dụng của việc tiêu hóa collagen peptide đối với tổn thương da do tia cực tím UV-B gây ra

5. Nakatani S, Kobata K, Nakajima H, Kimira Y, Mano H, Sugihara F, Wada M: Transcriptome of ATDC5 Cultured with Glucosamine Hydrochloride and Collagen Hydrolysate Indicates a New Candidate Gene for the Differentiation of Chondrocytes. *J Chitin Chitosan Sci*; 2:233-237, 2014

Tài liệu 2:233-237, 2014 Bản sao của ATDC5 được nuôi cấy với Glucosamine Hydrochloride và Collagen Hydrolysate chỉ ra một gen ứng viên mới để phân biệt các tế bào Chondrocytes. J Chitin Chitosan Sci; 2:233-237, 2014

6. Kumar S, Sugihara F, Suzuki K, Inoue N, Venkateswarathirukumara S: A double-blind, placebo-controlled, randomised, clinical study on the effectiveness of collagen peptide on osteoarthritis. *J Sci Food Agric*; 95:702-707, 2014

Tài liệu 95:702-707, 2014 nghiên cứu lâm sàng ngẫu nhiên về hiệu quả của peptide collagen đối với viêm xương khớp.



7. Kimira Y, Ogura K, Taniuchi Y, Kataoka A, Inoue N, Sugihara F, Nakatani S, Shimizu J, Wada M, Mano H: Collagen-derived dipeptide prolyl-hydroxyproline promotes differentiation of MC3T3-E1 osteoblastic cells. *Biochem Biophys Res Co*; 453:498-501,2014

Tài liệu 453:498-501,2014 Prolyl-hydroxyproline có nguồn gốc từ collagen thúc đẩy sự biệt hóa của các tế bào hủy xương MC3T3-E1.

8. Sugihara F, Inoue N, Wang X: Clinical effects of ingesting collagen hydrolysate on facial skin properties. *Jpn Pharmacol Ther*;43:67-70, 2015

Tài liệu 43:67-70, 2015 Tác dụng lâm sàng của việc uống collagen thủy phân lên các đặc tính của da mặt

9. Sugihara F, Inoue N, Koizumi S, Sriraam VT: Collagen hydrolysate enhanced pressure ulcer healing in a randomized double-blind placebo-controlled clinical study. *Jpn Pharmacol Ther*; 43:1323-1328, 2015

Tài liệu 43:1323-1328, 2015 collagen hoạt tính sinh học tăng cường chữa lành vết loét áp lực trong một nghiên cứu lâm sàng kiểm soát giả dược mù đôi ngẫu nhiên.

10. Inoue N, Sugihara F, Wang X: Ingestion of bioactive collagen hydrolysates enhance facial skin moisture and elasticity and reduce facial ageing signs in a randomised double-blind placebo-controlled clinical study. *J Sci Food Agric*; 2016, in press

Tài liệu về thủy phân collagen hoạt tính sinh học tăng cường độ ẩm và độ đàn hồi của da mặt và giảm các dấu hiệu lão hóa trên khuôn mặt trong một nghiên cứu lâm sàng kiểm soát ngẫu nhiên.

11. Castelo-Branco C, Pons F, Gratacós E, Fortuny A, Vanrell JA, González-Merlo J: Relationship between skin collagen and bone changes during aging. *Maturitas*; 18:199-206, 1994

Tài liệu 18:199-206, 1994 Mối quan hệ giữa collagen da và xương thay đổi trong quá trình lão hóa.

12. Shigemura Y, Iwai K, Morimatsu F, Iwamoto T, Mori T, Oda C, Taira T, Park EY, Nakamura Y, Sato K: Effect of prolyl-hydroxyproline (Pro-Hyp), a food-derived collagen peptide in human blood, on growth of fibroblasts from mouse skin. *J Agric Food Chem*;57:444-449., 2009

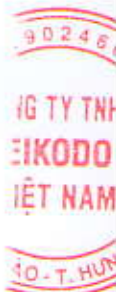
Tài liệu 57:444-449., 2009 Tác dụng của Prolyl-hydroxyproline (Pro-Hyp), một peptide collagen có nguồn gốc thực phẩm trong máu người, đối với sự phát triển của nguyên bào sợi từ da chuột.

13. Ohara H, Ichikawa S, Matsumoto H, Akiyama M, Fujimoto N, Kobayashi T, Tajima S: Collagen-derived dipeptide, proline-hydroxyproline, stimulates cell proliferation and hyaluronic acid synthesis in cultured human dermal fibroblasts. *Journal Dermatol* 37:330-338, 2010.

Tài liệu 37:330-338, 2010 Dipeptide có nguồn gốc từ collagen, proline-hydroxyproline, kích thích tăng sinh tế bào và tổng hợp axit hyaluronic trong các nguyên bào sợi của người được nuôi cấy.

14. Ohara H, Matsumoto H, Ito K, Iwai K, Sato K: Comparison of quantity and structures of hydroxyproline-containing peptides in human blood after oral ingestion of gelatin hydrolysates from different sources. *J Agric Food Chem*; 55:1532-1535, 2007

Tài liệu 55:1532-1535, 2007 So sánh số lượng và cấu trúc của các peptide chứa hydroxyproline trong máu người sau khi uống thủy phân gelatin từ các nguồn khác nhau.



15. Inoue K, Nakamura I, Takasaki M, Maeda R, Saito I, Maeda K, Anaka Y: Nutrition intervention methods based on home-visit nutritional support and verification of the resulting improvement effects. J Jpn Diet Assoc; 55:656-664, 2012

Tài liệu 55:656-664, 2012 Các biện pháp can thiệp hỗ trợ để tăng cường chế độ ăn uống ở người trưởng thành có nguy cơ suy dinh dưỡng hoặc dinh dưỡng

16. Ichimura T, Yamanaka A, Otsuka T, Yamashita E, Maruyama S: Antihypertensive effect of enzymatic hydrolysate of collagen and Gly-Pro in spontaneously hypertensive rats. Biosci Biotech Bioch; 73:2317-2319, 2009

Tài liệu 73:2317-2319, 2009 Tác dụng hạ huyết áp của thủy phân enzyme collagen và Gly-Pro trong huyết áp tự phát. Công nghệ sinh học sinh học

Hung Yên, ngày 25 tháng 07 năm 2019



ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Ký tên, đóng dấu)


TỔNG GIÁM ĐỐC
FUKUNAGA ATSUHIRO





Report N°: 1907290170

Page N°: 1/ 5

Ho Chi Minh City, Date: July 29, 2019
TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 29/07/2019

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

REF. NO.: FDL19/06936/R2
Đơn hàng, FDL19/06936/R2

CLIENT'S NAME : CÔNG TY TNHH EIKODO VIỆT NAM
Tên khách hàng

CLIENT'S ADDRESS : LÔ ĐẤT SỐ J-2, KHU CÔNG NGHIỆP THĂNG LONG II, XÃ DỊ SỪ,
Địa chỉ HUYỆN MỸ HẢO, TỈNH HƯNG YÊN

The following sample(s) was/were submitted and identified by the client as:
Mẫu thử nghiệm được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng:

Sample description Mô tả mẫu	: CANDY : Kẹo
Number of sample Số lượng mẫu	: 01 sample : 01 mẫu
Sample characterisation/ condition Tình trạng mẫu	: Sample (approx. 700g) in plastic bag : Mẫu (khoảng 700g) chứa trong túi nhựa
Client's reference Chú thích của khách hàng	: THỰC PHẨM BỔ SUNG KẸO COLLAGEN KHÔNG ĐƯỜNG AMELI
Date sample(s) received Ngày nhận mẫu	: July 01, 2019 : 01/07/2019
Testing period Thời gian thử nghiệm	: July 01 – July 09, 2019 : 01/07/2019 – 09/07/2019
Test requested Yêu cầu thử nghiệm	: As applicant's requirement : Theo yêu cầu của khách hàng
Test result Kết quả kiểm nghiệm	: Please refer to the next page(s) : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

188 Nguyễn Thị Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot 8021 St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay
Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra
Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/Viet/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
The authenticity of this document may be verified at <https://sgsosite.sgs.com/en/V2/common/certificate/autenticitee/Certificate.jsp>.





DETAIL TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Appearance: Uniform oval rock candy
 Trạng thái: Viên kẹo hình bầu dục, cứng, đồng đều
 Colour: Pink colour
 Màu: Màu hồng
 Odour: Sweet, characteristic aroma and taste of product, no strange odour and taste
 Mùi: Vị ngọt, mùi vị đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ

Testing Analysis Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	Unit Đơn vị
1. Total Plate Count Tổng vi khuẩn hiếu khí	ISO 4833-1:2013 ^(H)	< 10	cfu/g
2. Bacillus cereus Bacillus cereus	AOAC 980.31 (21 st Ed., 2019)	< 10	cfu/g
3. Clostridium perfringens Clostridium perfringens	ISO 7937:2004 ^(H)	< 10	cfu/g
4. Total Coliforms Coliforms tổng	ISO 4832:2006 ^(H)	< 10	cfu/g
5. E. Coli E. Coli	ISO 16649-3:2015	0	MPN/g
6. Salmonella spp. Salmonella spp.	ISO 6579-1:2017	Not Found Không phát hiện LOD ₅₀ = 0.8 cfu	/25g
7. Staphylococcus aureus Staphylococcus aureus	US FDA BAM Chapter 12 (2016)	< 10	cfu/g
8. Total Yeast Tổng nấm men	ISO 21527-2:2008 ^{(H) (T)}	< 10	cfu/g
9. Total Mold Tổng nấm mốc		< 10	cfu/g
10. Crude protein (Nx6.25) Đạm thô	AOAC 2001.11 (21 st Ed., 2019)	2.29	g/100g
11. Acidity (as Citric acid) Chỉ số axit (quy về axit citric)	TCVN 4073:2009	0.78	g/100g
12. Moisture content (70°C) Độ ẩm	TCVN 4069:2009	0.80	g/100g
13. Total ash Tro tổng	TCVN 4070:2009	Not detected Không phát hiện LOD = 0.03	g/100g

SGS Vietnam Ltd.

188 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Con Tho, 8th St., Tra Noc 2 (2, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs-vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/terms-and-conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. The authenticity of this document may be verified at <https://sgs.site.sgs.com/en/v2/common/certificate/autenticatae/certificate.jsp>



Testing Analysis Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	Unit Đơn vị
14. Total fat Béo tổng	AOAC 996.06 (21 st Ed., 2019) & ISO 16958:2015 ^(A)	0.100	g/100g
15. Total carbohydrate Carbohydrat tổng	AOAC 986.25 (21 st Ed., 2019) ^{(A) (H) (T)}	96.8	g/100g
16. Calories Năng lượng	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) & USDA Food Composition Databases ^{(A) (#)}	397	Kcal/100g
		1663	KJ/100g
17. Calories from fat Năng lượng từ chất béo	Calculated from fat	1	Kcal/100g
18. Total sugars (as sucrose) Đường tổng (quy về sucroza)	Luff school method ^{(A) (H) (T)}	2.24 LOD = 0.2	g/100g
19. Reducing sugars (as glucose) Hàm lượng đường khử (quy về glucose)		0.40 LOD = 0.2	g/100g
20. Saturated fatty acids Hàm lượng axit béo bão hòa	AOAC 996.06 (21 st Ed., 2019) & ISO 16958:2015 ^(A)	0.022	g/100g
21. Trans fatty acids Hàm lượng axit béo chuyển hóa dạng trans		Not detected Không phát hiện LOQ = 0.01	g/100g
22. Vitamin C (sum of L-ascorbic acid, its salts and dehydroascorbic acid) vitamin C tổng của axit L-ascorbic, các dạng muối và axit dehydroascorbic)	AOAC 2012.22 (21 st Ed., 2019) ^(A)	275 LOD = 2.0	mg/100g
23. Aflatoxin B1 Aflatoxin B1	AOAC 2005.08 (21 st Ed., 2019)	Not detected Không phát hiện LOD = 0.1	µg/kg
24. Aflatoxin (B1, B2, G1, G2) Aflatoxin (B1, B2, G1, G2)		Not detected Không phát hiện LOD = 0.1/ea	µg/kg
25. Sodium (Na) Natri	Ref. AOAC 2011.14 (21 st Ed., 2019) ^{(A) (H)}	6.4 LOD = 0.3	mg/100g
26. Arsenic (As) Asen	Ref. AOAC 2013.06 (21 st Ed., 2019) ^{(A) (H) (T)}	Not detected Không phát hiện LOD = 0.07	mg/kg

SGS Vietnam Ltd.

168 Nguyen Thi Loan Hoa St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot 1021, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay
 Thuan Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra
 Noi 3 IZ, Phung Tho Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/sgs-terms-and-conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. The authenticity of this document may be verified at <https://sgsportal.sgs.com/en/v2/common/certificate/authenticateCertificate.jsp>

140
NO
IIE
KHIE
T.P.



Testing Analysis <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	Unit <i>Đơn vị</i>
27. Cadmium (Cd) <i>Cadmium</i>	Ref. AOAC 2013.06 (21 st Ed., 2019) ^(A) ^(H) ^(T)	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.03	mg/kg
28. Lead (Pb) <i>Chì</i>		Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.03	mg/kg
29. Mercury (Hg) ^(T) <i>Thủy ngân</i>	CASE.TN.0141	Not detected <i>Không phát hiện</i> LOD = 0.01	mg/kg

Note/Chú thích:

- LOD = Limit of Detection/ Giới hạn phát hiện
- LOQ = Limit of Quantification/ Giới hạn định lượng
- ^(T) Carbohydrate (total) factor: 4, Fat factor: 9, Protein factor: 4 Kcal/g; 1 KJ = 4.184 Kcal (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003) & USDA Food Composition Databases)
Hệ số của cacbonhydrat tổng: 4, hệ số của chất béo: 9, hệ số chất đạm: 4 Kcal/g; 1 KJ = 4.184 Kcal (Nguồn: FAO – Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003) & Cơ sở dữ liệu dinh dưỡng thực phẩm quốc gia của USDA)
- When the chemical analyte is detected but the concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as “< LOQ”. If the result was calculated from sum of individual analytes, it was done without single values below LOQ taken into account. For microbiological analyte, according to the plate count testing method with dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies was not formed was reported as <10 cfu/g.
Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả sẽ được thể hiện là “< LOQ”. Nếu kết quả được tính từ tổng của từng chỉ tiêu, nó được thực hiện không bao gồm các giá trị đơn lẻ nhỏ hơn giới hạn định lượng. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc sẽ được trả kết quả <10 cfu/g.
- The method remarked with ^(T) is not currently within the ISO 17025 accreditation scope and the test remarked with ^(T) is performed by subcontractor.
Phương pháp được đánh dấu ^(T) chưa thuộc phạm vi công nhận ISO 17025 và chỉ tiêu được đánh dấu ^(T) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.
- The method(s) remarked with (A), (H) and (T) are designated by the Ministry of Agriculture and Rural Development, the Ministry of Health, and the Ministry of Industry and Trade, respectively.
Phương pháp được đánh dấu bằng chữ (A), (H) và (T) là phương pháp tương ứng được công nhận bởi Bộ Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn, Bộ Y Tế, và Bộ Công Thương.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE (S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 30 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 30 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*This report supersedes all previous documents bearing the test report number 19071300B1 – Dated: July 13, 2019
Báo cáo này thay thế cho tất cả các văn bản trước đây mang số báo cáo thử nghiệm 19071300B1 – Phát hành ngày: 13/07/2019*

END OF THE REPORT

SGS Vietnam Ltd.

148 Nguyen Thi Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
SGS Laboratory Lot 8/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây
 Thành Ward, Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra
 Noc 2 Q. Phước Thới Ward, Ô Môn Dist., Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 (84-26) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.
 The authenticity of this document may be verified at <https://sgsonsite.sgs.com/en/v2/common/certificate/authenticateCertificate.jsp>

25
 TV
 1 M
 100
 100



SGS

Report N°: 1907290170

Page N°: 5/ 5

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Trưởng Phòng Thử Nghiệm Thực Phẩm



SGS Vietnam Ltd.

138 Nguyễn Thị Minh Khai St., Ward 6, Dist.3, Hồ Chí Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây
Thành Ward, Tân Phú Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea – VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra
Nóc 2 IZ, Phước Thới Ward, Ô Môn Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service (www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx). Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law. The authenticity of this document may be verified at: <https://sgsosite.sgs.com/en/v2/common/certificate/autenticataeCertificate.jsp>.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM TỈNH HƯNG YÊN
CHỨNG NHẬN**

Tên cơ sở: Công ty TNHH Eikodo Việt Nam

Địa chỉ: Lô đất J-2, KCN Thăng Long II, xã Dị Sử, huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Điện thoại: 02213974482

ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM THEO QUY ĐỊNH:
Sản xuất, kinh doanh thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, thực phẩm bao gói sẵn

CHỨNG THỰC BẢN SAO CHỈ CỤC TRƯỞNG
Hưng Yên ngày 14 tháng 08 năm 2013

Ngày 02-08-2013

Số: 8238 Quyển: 01 Đỗ Mạnh Hùng

Số cấp: 75/18018/LATTP-CNDK
Có hiệu lực đến ngày 14 tháng 02 năm 2021

BẢN SAO

PHONG

SỞ CÔNG NGHIỆP

CÔNG CHỨNG VIỆN

Nguyễn Thị Thủy

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0900902466

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 12 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 15 tháng 05 năm 2019

BẢN SAO

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH EIKODO VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: EIKODO VIETNAM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: EKD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô đất số J-2, Khu công nghiệp Thăng Long II, Phường Dị Sử, Thị xã Mỹ Hòa, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Điện thoại: 0221 3974482

Fax: 0221 3974483

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 58.002.000.000 đồng.

Bằng chữ: Năm mươi tám tỷ không trăm lẻ hai triệu đồng

Tương đương 2.620.000 đô la Mỹ

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: SUZUKI EIKODO CO.,LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 2000-01-013754

Ngày cấp: 28/07/1933 Nơi cấp: Sở Tư pháp Gifu, Nhật Bản

Địa chỉ trụ sở chính: 50 Tawaramachi Ogaki Gifu, Nhật Bản

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: FUKUNAGA,ATSUHIRO

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 12/06/1974

Dân tộc:

Quốc tịch:

Nhật Bản

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

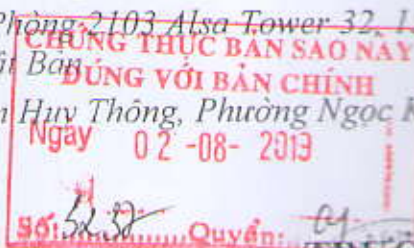
Số giấy chứng thực cá nhân: TK3565968

Ngày cấp: 13/12/2010

Nơi cấp: Bộ ngoại giao Nhật Bản

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 2103 Alsa Tower 32, 15-2, Motogo2, thành phố Kawaguchi, tỉnh Saitama, Nhật Bản

Chỗ ở hiện tại: Số 86, đường Phạm Huy Thông, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

CÔNG CHỨNG VIÊN

Nguyễn Thị Thủy

